

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2026  
Ha Noi, April 07, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE**  
**(V/v Cập nhật Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026/**  
***(Update documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders)***

**Kính gửi:** - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

**To:** - *State Securities Commission*  
- *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ Name of organization: Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex /Petrolimex Insurance Corporation

- Mã Chứng khoán/ Stock code: PGI

- Địa chỉ/Address: Tầng 21,22 - Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Kim Liên, Hà Nội

- Điện thoại/ Tel: 0243.7760867 Fax: 0243.7760868

- Người được ủy quyền CBTT/ Person authorized to disclose information: Hoàng Thế Vinh

- Chức vụ/ Position: Trưởng Ban Tổng hợp HĐQT/ Manager of General Affairs Division of BOD

**- Nội dung công bố thông tin/ Information Disclosure Content:**

Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex cập nhật tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 bao gồm/ Petrolimex Insurance Corporation Update documents for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders:

1. Tờ trình: “V/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex” / Submission: “Re: Approval of amendments and supplements to the Charter of Petrolimex Insurance Corporation”.
2. Tờ trình: “V/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex / Submission: “Re: Approval of amendments and supplements to the Internal Corporate Governance Regulations of Petrolimex Insurance Corporation”.
3. Tờ trình: “V/v thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex / Submission: “Re: on Approval of amendments



and supplements to the Regulations on Operation of the BOD of Petrolimex Insurance Corporation”.

4. Tờ trình: “V/v thông qua nội dung ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex/ Submission: “Re: Approval of the issuance of the Regulations on Operation of the Supervisory Board of Petrolimex Insurance Corporation”.

Thông tin này đã được công bố trên website của PJICO ngày 07/04/2026 theo đường dẫn/ This information was published on the company’s website on April 7, 2026 as in the link:

Tôi cam kết các thông tin công bố dưới đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

*I hereby certify that the disclosed information is true and take full legal responsibility for the content of the disclosed information.*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**  
**AUTHORIZED INFORMATION DISCLOSURE OFFICER**

**Nơi nhận:**

- Như trên/ As above.



**Hoàng Thế Vinh**



Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung  
Điều lệ Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật kinh doanh Bảo hiểm hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 04/2026/PJICO/NQ-HĐQT ngày 18/03/2026;

Căn cứ thực tiễn công tác quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex,

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức rà soát, dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty hiện hành để phù hợp với các quy định Pháp luật và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex.

*(Nội dung dự thảo sửa đổi Điều lệ Tổng công ty kèm theo).*

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thanh Hải**

## BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY

- **Mục đích:** Tổng hợp các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ PJICO năm 2024
- **Căn cứ:**
  - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
  - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;
  - Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 139/2025/QH15;
  - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
  - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Điều lệ PJICO năm 2024.

STT	Điều khoản	Điều lệ năm 2024	Dự thảo Điều lệ năm 2026	Lý do/Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Điểm c, điểm d khoản 1 Điều 1	c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15; d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;	Cập nhật lại hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành
2	Bổ sung điểm đ Khoản 1 Điều 1	Chưa quy định	đ) Luật Kinh doanh bảo hiểm là Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022;	Nội dung Điều lệ có việu dẫn đến Luật Kinh doanh bảo hiểm nên cần bổ sung để tạo sự thống nhất

3	Điểm n Khoản 1 Điều 1	n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua;	n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;	Tổng Công ty đã được phép hoạt động không thời hạn theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPDC11/KDBH của Bộ Tài chính
4	Khoản 3 Điều 2	Địa chỉ: Tầng 21-22 tòa nhà MIPEC - 229 đường Tây Sơn – Quận Đống Đa – Tp. Hà Nội	Địa chỉ: Tầng 21-22 tòa nhà MIPEC TOWER - 229 đường Tây Sơn – phường Kim Liên – Thành phố Hà Nội	Cập nhật lại theo địa giới hành chính mới
5	Khoản 5 Điều 2	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập	5. Tổng công ty được phép hoạt động không thời hạn trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Điều lệ này.	Tổng Công ty đã được phép hoạt động không thời hạn theo Giấy phép điều chỉnh số 67/GPDC11/KDBH của Bộ Tài chính
6	Điều 3	Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty. Người đại diện theo quy định của pháp luật có Quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Tổng công ty có 02 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị; b) Tổng Giám đốc. 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật a) Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị, của Hội đồng quản trị PJICO theo quy định của pháp luật. b) Tổng Giám đốc đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho	

			<p>Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc điều hành theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Quyền hạn và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể trong các quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Tổng công ty;</p> <p>b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần góp vốn theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân theo quy định của pháp luật đối với những thiệt hại của Tổng công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	
--	--	--	---	--

7	Điều 11	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tổng giám đốc điều hành</p>	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban Kiểm soát;</p> <p>d. Tổng giám đốc.</p>	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát
8	Điểm b, điểm c Khoản 2, khoản 3 Điều 12	<p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng</p>	<p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, <u>báo cáo của Ban kiểm soát</u>, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;</p> <p>c) Yêu cầu <u>Ban kiểm soát</u> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát</u>. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát</u> thực hiện như sau:</p>	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát

		<p>số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát</u> phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát</u>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và <u>Ban kiểm soát</u>. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và các cổ đông khác đề cử.</p>	
9	Khoản 3, khoản 4 Điều 14	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật</p>	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát

		<p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, Khoản 3 Điều này;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện</p>	<p>Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p> <p><u>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u></p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, Khoản 3 Điều này;</u></p> <p><u>b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u></p> <p>c. Trường hợp <u>Ban kiểm soát</u> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p>	
--	--	--	--	--

		<p>Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành đại hội và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>c. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành đại hội và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	
10		<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; đ. Quyết</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p>	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát

	<p>định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; <u>Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát</u>;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p>	
--	---	---	--

	<p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;</p> <p>k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;</p> <p>o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh</p>	<p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	
--	---	---	--

		<p>ngiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;</p> <p>u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>r) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, <u>Quy chế hoạt động Ban kiểm soát</u>;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	
11	Điểm b khoản 3 Điều 18	b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ;	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát
12	Điểm a Khoản 2 Điều 20	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để</u>	

			<u>Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;</u>	
13	Khoản 3 Điều 21	3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.	3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban Kiểm soát</u> phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát
14	Khoản 5 Điều 22	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của <u>Ban kiểm soát hoặc</u> cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát
15	Khoản 4 Điều 25	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Pháp luật bảo hiểm và Điều lệ Tổng công ty	4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, <u>Luật kinh doanh bảo hiểm, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan</u> và Điều lệ Tổng công ty.	Bổ sung thêm các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định của luật chuyên ngành
16	Điểm a khoản 3 Điều 30	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của <u>Ban kiểm soát hoặc</u> thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát

17	Điều 30	Chưa quy định	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Bổ sung nội dung để phù hợp với mô hình có Ban kiểm soát
18	Điểm b, điểm f khoản 3 Điều 32	b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;  f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;	b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;  f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và <u>thành viên Ban kiểm soát</u> ;	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát
19	Tên chương VIII	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Bỏ cụm từ “điều hành” sau “Tổng giám đốc” để thống nhất với điều lệ mẫu
20	Khoản 5 Điều 35	5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế	5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.	Bỏ cụm từ “điều hành” sau “Tổng giám đốc” để thống nhất với điều lệ mẫu
21	Chương IX (Từ Điều 36 đến Điều 40)	<b>IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> <b>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</b>	<b>IX. BAN KIỂM SOÁT</b> <b>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b> 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định như sau:	Thay thế tên và nội dung các quy định tại chương IX về Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT thành các quy định về Ban kiểm soát;

		<p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Tổng công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>1.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</li> <li>đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;</li> <li>e) Các thông tin khác (nếu có);</li> <li>g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).</li> </ul> <p>1.2. Ngoại trừ các cam kết của riêng cổ đông chiến lược trong các tài liệu giao dịch, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của</p>	<p>đồng thời bổ sung thêm căn cứ trả thù lao, thưởng cho thành viên Ban kiểm soát để phù hợp với thực tiễn đang triển khai tại PJICO.</p>
--	--	---	---	---

		<p><b>Điều 37. Thành phần Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p>	<p>từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty tối thiểu là 3 người và tối đa là 5 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và không thuộc các trường hợp sau:</p>	
--	--	---	--	--

		<p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p>	<p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế</p>	
--	--	--	--	--

		<p><b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</li> <li>2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</li> <li>3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</li> <li>4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty.</li> <li>5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị,</li> </ol>	<p>toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> <li>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</li> <li>d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.</li> </ol> <p><b>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm</li> </ol>	
--	--	---	---	--

		<p>Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p><b>Điều 39. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</p> <p>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p>	<p>tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và</p>	
--	--	--	--	--

		<p><b>Điều 40. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p>	<p>người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.</p> <p><b>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu mỗi quý ít nhất 1 (một) lần, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
--	--	--	--	--

	<p>1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc,</p>	<p><b>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ</p>	
--	--	---	--

		<p>người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>đ. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p> <p>h. Các nội dung khác (nếu có).</p>	<p>tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.</p>	
22	Chương X	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</p>	<p>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.</p>	Sửa đổi đối tượng để phù hợp với điều lệ mẫu
23	Điều 41	<p>Điều 41. Trách nhiệm cẩn trọng</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung</p>	Bãi bỏ	Tham chiếu điều lệ mẫu không quy định về “trách nhiệm cẩn trọng” mà thiết kế theo hướng là nội dung mở đầu cho chương X

		thực vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty.		
24	Điều 42	<p><b>Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy</p>	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan</p>	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát

	<p>định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [20%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan</p>	<p>của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [20%] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn [20%] hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ [20%] trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố</p>	
--	---	--	--

		hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.	
25	Điều 43	<p><b>Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	<p><b>Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát
26	Điểm b khoản 1, khoản 3,	b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục	b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản	Sửa đổi nội dung để phù hợp với cơ cấu tổ chức có Ban kiểm soát

	<p>khoản 4 Điều 44</p>	<p>số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này</p>	<p>và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, <u>báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng</u>, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p> <p>4. Tổng công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Ban kiểm soát</u>, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này</p>	
27	<p>Khoản 2 Điều 53</p>	<p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, công ty, chi</p>	<p><u>2. Mẫu dấu, số lượng, hình thức, nội dung dấu của Tổng công ty được đăng ký, quản lý</u></p>	<p>Doanh nghiệp bảo hiểm thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị</p>

		nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).	<u>và sử dụng theo quy định của pháp luật về con dấu đối với doanh nghiệp bảo hiểm.</u>	định 99/2016/NĐ-CP. Theo đó mẫu dấu, số lượng, hình thức và nội dung đều phải tuân thủ quy định của Nghị định này.
28	Điều 54	<p><b>Điều 54. Giải thể Tổng công ty</b></p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p><b>Điều 54. Giải thể Tổng công ty</b></p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.</p>	Sửa lại để phù hợp với thời hạn hoạt động “không thời hạn” của PJICO theo Giấy phép điều chỉnh số 11 của Bộ Tài chính
29	Điều 55	<p><b>Điều 55. Gia hạn hoạt động</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số</p>	Bãi bỏ do không còn phù hợp	Thời hạn hoạt động của PJICO là không thời hạn theo giấy phép điều chỉnh số 11 (Điều 56 Thanh lý trong điều lệ cũ chuyển thành Điều 55 Trong điều lệ mới).

		phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.		
30	Khoản 1 Điều 57	<b>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b> 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa: a. Cổ đông với Tổng công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp.	<b>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b> 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: a. Cổ đông với Tổng công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc.	Chỉnh sửa nội dung không phù hợp với Điều lệ mẫu (Điều 58 trong Điều lệ cũ Đổi thành Điều 57 trong điều lệ mới.)
31	Điều 59	<b>Điều 59. Ngày hiệu lực</b> 1. Bản Điều lệ này gồm XXI Mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex nhất trí thông qua ngày 10 tháng 04 năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	<b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b> 1. Bản Điều lệ này gồm XXI Mục, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex nhất trí thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	Cập nhật lại ngày Điều lệ Tổng công ty được thông qua.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung  
Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex  
(Trong trường hợp Tờ trình sửa đổi Điều lệ được  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật kinh doanh Bảo hiểm và các văn bản pháp luật hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 04/2026/PJICO/NQ-HĐQT ngày 18/03/2026;

Căn cứ thực tiễn công tác quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex,

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức rà soát, dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty hiện hành để phù hợp với các quy định Pháp luật và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex.

(Nội dung dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị của Tổng công ty kèm theo).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thanh Hải**

## BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ PJICO

- **Mục đích:** Tổng hợp các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị PJICO
- **Căn cứ:**
  - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
  - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;
  - Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 139/2025/QH15;
  - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
  - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex được ban hành kèm theo Quyết định số 31/2021/PJICO/QĐ-HĐQT ngày 08/6/2021.

STT	Điều khoản	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế 2026	Lý do/Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Khoản 1 Điều 1	<p><b>Điều 1: Mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>                      Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (sau đây viết tắt là “Quy chế quản trị”) áp dụng trong phạm vi Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (sau đây viết tắt là “Tổng công ty”). Quy chế này được xây dựng theo quy định của:</p> <p>a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>b. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>c. Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09/12/2000;</p>	<p><b>Điều 1: <u>Căn cứ pháp lý</u>, mục đích ban hành, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b>                      1. Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (sau đây viết tắt là “Quy chế quản trị”) áp dụng trong phạm vi Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (sau đây viết tắt là “Tổng công ty/PJICO”). Quy chế này được xây dựng theo quy định của:</p> <p>a. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;</p> <p>b. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số</p>	Bổ sung thêm tiêu đề “căn cứ pháp lý” và cập nhật, bổ sung lại hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

		<p>d. Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>e. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>f. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>g. Điều lệ tổ chức &amp; hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19 tháng 04 năm 2021.</p>	<p>điều theo Luật số 56/2024/QH15;</p> <p>c. Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 139/2025/QH15;</p> <p>e. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.</p> <p>f. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>g. Điều lệ Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2026.</p> <p>h. Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.</p>	
2	Khoản 3 Điều 1	3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý và những người liên quan.	3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý và những người liên quan.	Bổ sung thêm đối tượng Ban kiểm soát để phù hợp với mô hình tổ chức có Ban kiểm soát
3	Khoản 1 Điều 2	Chưa quy định	n. Địa điểm tổ chức Đại hội trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác. Trong đó, địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống bằng	Bổ sung nội dung để phù hợp với hình thức tham dự trực tuyến

			Tài khoản truy cập đã được PJICO cung cấp để tham dự Đại hội trực tuyến.	
4	Khoản 1 Điều 4	1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế nội bộ có liên quan đến cổ đông của PJICO; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	1. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế nội bộ có liên quan đến cổ đông của PJICO; chấp hành <u>Nghị quyết</u> , quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	
5	Điểm b khoản 3 Điều 6	b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ;	Bổ sung thêm đối tượng Ban kiểm soát để phù hợp với mô hình tổ chức có Ban kiểm soát
6	Điểm a khoản 12 Điều 6	a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến có thể sử dụng dữ liệu điện tử đã được ghi và lưu tại cuộc họp như một phần nội dung của Biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:	a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông họp trực tuyến có thể sử dụng dữ liệu điện tử đã được ghi và lưu tại cuộc họp như một phần nội dung của Biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt <u>và bằng tiếng Anh với các nội dung chủ yếu sau đây:</u>	
7	Khoản 5 Điều 7	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau	5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến <u>của của Ban kiểm soát hoặc</u> cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản	

		đây:	kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:	
8	Khoản 5 Điều 8	5. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp Tổng công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.	5. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong trường hợp Tổng công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.	
9	Khoản 3, khoản 4 Điều 12	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 4. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị quá 05 công ty khác.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc. 4. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng Thành viên quá 05 công ty khác.	Sửa đổi để thống nhất với dự thảo Điều lệ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
10	Khoản 4 Điều 13	4. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.	Bãi bỏ do nội dung tương tự với khoản 4 Điều 12	

11	Khoản 7 Điều 15	7. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.	7. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, <u>người phụ trách quản trị</u> và người quản lý khác của Tổng công ty.	
12	Khoản 9 Điều 15	Chưa quy định	<u>9. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định của pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</u>	Bổ sung theo quy định mới tại Nghị định 245/2025/NĐ-CP
13	Khoản 1 Điều 17	1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh	1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh và <u>căn cứ theo quy chế phân phối tiền lương tiền thưởng của Tổng công ty.</u>	Bổ sung để phù hợp với thực tiễn đang triển khai tại PJICO
14	Khoản 1 Điều 18	<b>Điều 18. Các ban của Hội đồng quản trị</b> 1. Hội đồng quản trị cần thành lập các <del>tiểu</del> ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tùy từng giai đoạn phát triển của Tổng công ty, ngoài các ban hiện có như : Ban Tổng hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ thì Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm các ban như: Ban chính sách phát triển, Ban nhân sự, Ban Lương thưởng và các ban đặc biệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	<b>Điều 18. Các ban của Hội đồng quản trị</b> 1. Hội đồng quản trị cần thành lập các ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tùy từng giai đoạn phát triển của Tổng công ty, ngoài các ban hiện có như : Ban Tổng hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm toán nội bộ thì Hội đồng quản trị có thể thành lập thêm các ban như: Ban chính sách phát triển, Ban nhân sự, Ban Lương thưởng và các ban đặc biệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Hiệu chỉnh để phù hợp với tên điều khoản

15	<p>Chương IV (từ Điều 19 đến Điều 23)</p>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG IV</b> <b>ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC</b> <b>THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b></p> <p><b>Điều 19. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Tổng công ty.</p> <p>2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p><b>Điều 20. Thành phần Ủy ban Kiểm toán</b></p> <p>1. Ủy ban kiểm toán có từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p> <p>2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực</p>	<p style="text-align: center;"><b>CHƯƠNG IV</b> <b>BAN KIỂM SOÁT</b></p> <p><b>Điều 19. Ban Kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát là bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu, có thẩm quyền thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện nghĩa vụ giám sát việc quản trị, điều hành Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.</p> <p><b>Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</b></p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p>	<p>Thay thế các quy định về Ủy ban kiểm toán bằng các quy định về Ban kiểm soát để phù hợp với mô hình quản trị công ty có Ban kiểm soát</p>
----	---	---	--	--

	<p>hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.</p> <p><b>Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.</p> <p>3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.</p> <p>4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các</p>	<p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.</p> <p>9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.</p>	
--	---	---	--

	<p>giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Tổng công ty.</p> <p><del>5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</del></p> <p><del>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.</del></p> <p><b>Điều 22. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán</b></p> <p><del>1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.</del></p> <p><del>2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định</del></p>	<p><b>Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định như sau:</p> <p>1.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b) Trình độ chuyên môn;</li> <li>c) Quá trình công tác;</li> <li>d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</li> <li>đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;</li> <li>e) Các thông tin khác (nếu có);</li> </ul>	
--	---	--	--

	<p>cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.</p> <p><b>Điều 23. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</b></p> <p>1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;</p> <p>c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Tổng công ty;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp</p>	<p>g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).</p> <p>1.2. Ngoại trừ các cam kết của riêng cổ đông chiến lược trong các tài liệu giao dịch, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p><b>Điều 22. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty có từ 03 đến 05 người. Nhiệm</p>	
--	---	--	--

		<p>và những người có liên quan của đối trọng đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</p> <p>e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Tổng công ty;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;</p> <p>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;</p> <p>h. Các nội dung khác (nếu có).</p>	<p>kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p> <p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p>	
--	--	---	---	--

			<p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>Điều 23. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.</p>	
--	--	--	--	--

16	Điều 25	<p>Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc <b>điều hành</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao</p> <p>3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động hoặc quy định của Tổng công ty. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>4. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 25. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao</p> <p>3. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động hoặc quy định của Tổng công ty. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;</p>	<p>Bỏ cụm từ “điều hành” sau “Tổng giám đốc” để phù hợp với Điều lệ</p>
----	---------	---	---	---

	<p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;</p> <p>d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	
--	---	--	--

17	Khoản 1 Điều 27	1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	1. Hội đồng quản trị <u>bổ nhiệm</u> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	Hiệu chỉnh để phù hợp với quy định của pháp luật
----	-----------------	---	--	--

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung  
Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex  
(Trong trường hợp Tờ trình sửa đổi Điều lệ được  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật kinh doanh Bảo hiểm hiện hành và các văn bản pháp luật liên quan;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị quyết HĐQT số 04/2026/PJICO/NQ-HĐQT ngày 18/03/2026;

Căn cứ thực tiễn công tác quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex,

Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tổ chức rà soát, dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT hiện hành để phù hợp với các quy định Pháp luật và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.

(Nội dung dự thảo Quy chế hoạt động của HĐQT kèm theo).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Thanh Hải**

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PJICO**

- **Mục đích:** Tổng hợp các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT PJICO
- **Căn cứ:**
  - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
  - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;
  - Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 139/2025/QH15;
  - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.
  - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex được ban hành kèm theo Quyết định số 32/2021/PJICO/QĐ-HĐQT ngày 08/6/2021.

STT	Điều khoản	Quy chế hiện hành	Dự thảo Quy chế 2026	Lý do/Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1	Căn cứ pháp lý	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/ 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 19/12/2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật kinh doanh Bảo hiểm số 61/2010/QH12 ngày 24/11/2010;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ</p>	<p>Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;</p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15;</p> <p>Căn cứ Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 139/2025/QH15;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP.</p> <p>Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp</p>	cập nhật, bổ sung lại hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành

		<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/04/2021;</p> <p>Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/PJICO-NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021;</p> <p>Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex bao gồm các nội dung sau:</p>	<p>dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Căn cứ Điều lệ Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 04 năm 2026.</p> <p>Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex.</p> <p>Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex bao gồm các nội dung sau:</p>	
2	Khoản 6 Điều 2	6. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ PJICO cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.	6. Các từ ngữ khác không được giải thích trong Quy chế này được hiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.	
3	Điều 3	Chưa quy định	<p><b>Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.</p> <p>2. Thành viên HĐQT tham gia công tác lãnh đạo, quản lý, giám sát hoạt động của PJICO theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>3. HĐQT thảo luận và biểu quyết để đưa ra quyết định về mọi vấn đề quản trị PJICO trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ được quy định thông qua bằng các nghị quyết, quyết định của HĐQT.</p> <p>4. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, fax,</p>	Chuyển nội dung Điều 16 lên

			thư điện tử theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của PJICO.	
4	Điều 4	<b>Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</b> Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, cán bộ quản lý các đơn vị trong PJICO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PJICO và của các đơn vị trong PJICO. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. <del>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.</del>	<b>Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</b> Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, Phó TGD, cán bộ quản lý các đơn vị trong PJICO cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của PJICO và của các đơn vị trong PJICO. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.	Hiệu chỉnh để thống nhất với Điều lệ Tổng công ty
5	Khoản 2 Điều 5	<b>Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT</b> 2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu thành viên HĐQT phải đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật hiện hành. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	<b>Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT</b> 2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu thành viên HĐQT phải đảm bảo số lượng thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật hiện hành và <u>Điều lệ Tổng công ty</u> . Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập HĐQT của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Bổ sung nội dung để thống nhất với Điều lệ Tổng công ty
6	Điểm c khoản 3 Điều 5	<del>e) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</del>	Bãi bỏ để thống nhất với điểm a khoản 3 Điều 5	

7	Điểm f khoản 3 Điều 5	Chưa quy định	f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.	
8	Khoản 1 Điều 8	<b>Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Tổng công ty.	<b>Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b> 1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc của Tổng công ty.	Bỏ cụm từ “điều hành” sau Tổng giám đốc
9	Khoản 16 Điều 13	16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; <del>quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị</del> , Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;	16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;	Sửa đổi để phù hợp với mô hình quản trị có Ban kiểm soát
10	Điều 16	<b>Điều 16. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT</b> 1. Thành viên HĐQT tham gia công tác lãnh đạo, quản lý, giám sát hoạt động của PJICO theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT. 2. HĐQT thảo luận và biểu quyết để đưa ra quyết định về mọi vấn đề quản trị PJICO trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ được quy định thông qua bằng các nghị quyết, quyết định của HĐQT. 3. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua tại các phiên họp HĐQT hoặc xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, fax, thư điện tử theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của PJICO.	Bãi bỏ do đã chuyển nội dung lên Điều 3	

11	Khoản 4 Điều 19	<p>4. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp bất thường, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; hoặc 02 thành viên HĐQT; thành viên độc lập HĐQT. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với PJICO; trong trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>4. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp bất thường, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị của TGD hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; hoặc 02 thành viên HĐQT; <u>của Ban kiểm soát</u> hoặc thành viên độc lập HĐQT. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với PJICO; trong trường hợp này, người đề nghị họp HĐQT có quyền triệu tập họp HĐQT, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với mô hình quản trị có Ban kiểm soát</p>
12	Điều 31	<p><b>Điều 31. Mọi quan hệ với Ủy ban kiểm toán</b></p> <p>1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p>	<p><b>Điều 31. Mọi quan hệ với Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.</p> <p>2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.</p>	<p>Điều chỉnh để phù hợp với mô hình quản trị có Ban kiểm soát</p>
13	Điều 36	<p><b>Điều 36. Phương thức đánh giá</b></p> <p>Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, <u>cán bộ</u> quản lý của PJICO có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:</p>	<p><b>Điều 36. Phương thức đánh giá</b></p> <p>Tùy thuộc vào quy định của HĐQT, công tác đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, người quản lý của PJICO có thể được tiến hành một hoặc một số phương thức sau:</p>	<p>Hiệu chỉnh để thống nhất với Điều lệ</p>



# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ngày 15/04/2026;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...*

*Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex*

*Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex bao gồm các nội dung sau:*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức, nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền, nghĩa vụ và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (Ban kiểm soát) và các Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với Ban kiểm soát, các Thành viên Ban kiểm soát và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các Thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.
2. Hoạt động của Ban kiểm soát đảm bảo tính độc lập, khách quan, trung thực, tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác có liên quan.
3. Các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cơ quan Nhà nước, cơ quan quản lý phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

4. Hoạt động của Ban kiểm soát không làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, không làm thiệt hại đến lợi ích hợp pháp của Tổng công ty và cổ đông.

### **Điều 3: Giải thích từ ngữ và từ viết tắt**

1. Giải thích từ ngữ: các khái niệm và từ ngữ sử dụng trong Quy chế này được giải thích trong Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Tổng Công ty, và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản đó.

2. Từ viết tắt:

- Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex viết tắt là: Tổng Công ty,
- Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty viết tắt là: ĐHĐCĐ,
- Hội đồng quản trị Tổng công ty viết tắt là: HĐQT,
- Ban kiểm soát Tổng công ty viết tắt là: Ban kiểm soát

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty và cổ đông.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình theo phân công của Ban kiểm soát.

5. Có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.

7. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

8. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề thuộc quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trừ vấn đề có xung đột lợi ích với Thành viên Ban kiểm soát có liên quan.

9. Định kỳ báo cáo Ban kiểm soát về tình hình, kết quả giám sát trong phạm vi công việc được phân công; báo cáo ngay về các hoạt động bất thường và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá, kết luận của mình. Khi nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến quyền hạn và nghĩa vụ của Ban kiểm soát phải có trách nhiệm báo cáo kịp thời tới Ban kiểm soát.

10. Khi được phân công đại diện Ban kiểm soát thực hiện công việc chung của Tổng công ty phải có trách nhiệm báo cáo Ban kiểm soát kết quả chậm nhất sau 5 ngày làm việc kể từ khi kết thúc.

11. Tham dự các phiên họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, được phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết; các cuộc họp giao ban, sơ kết, tổng kết... của Tổng Công ty.

12. Trường hợp vi phạm quy định tại quy chế này, Điều lệ Tổng Công ty, các quy định của pháp luật mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng Công ty.

13. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

14. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 3 (ba) đến 5 (năm) Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có ít nhất 3 (ba) Thành viên Ban kiểm soát thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp tất cả các Thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Trường hợp Thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn 3 (ba) thành viên, Ban kiểm soát đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung Thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát**

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

2. Có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Trường hợp không có bằng đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm thì phải có bằng đại học trở lên về chuyên ngành khác và có chứng chỉ bảo hiểm phù hợp với loại hình bảo hiểm mà doanh nghiệp được phép triển khai do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong nước hoặc ngoài nước cấp; Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Tổng Công ty; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng Công ty;

4. Không phải là người quản lý Tổng Công ty;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 3 (ba) năm liền trước đó;

7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

#### **Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn theo điều 6 Quy chế này và không được đồng thời là Thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm khác hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát.

a. Có quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

b. Có trách nhiệm điều phối, tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này;

c. Phân công nhiệm vụ từng Thành viên Ban kiểm soát;

d. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban kiểm soát; Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

e. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập ĐHĐCĐ bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;

f. Điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;

g. Là đầu mối tiếp nhận thông tin, đảm bảo các Thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, kịp thời, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát cần phải xem xét;

h. Chịu trách nhiệm về các nội dung trong báo cáo của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, ĐHĐCĐ và các tổ chức các nhân khác;

i. Ủy quyền cho một Thành viên Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

k. Đảm bảo các điều kiện, phương tiện cần thiết thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

l. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên HĐQT còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

m. Thực hiện các quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

### **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (2) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (3) ứng viên; từ 50% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Cách thức bầu Thành viên Ban kiểm soát

a. Việc biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên Ban kiểm soát được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b. Người trúng cử Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

c. Trường hợp có từ 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên Ban kiểm soát cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Trường hợp khác thực hiện theo Điều lệ Tổng công ty.

2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Tổng Công ty.

### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, thông tin liên quan đến các ứng cử viên được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;
  - d. Các chức danh quản lý khác;
  - đ. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
  - e. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty.
  - f. Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III** **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý, điều hành Tổng Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT, các cuộc họp giao ban, tổng kết, sơ kết... và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro...; các cán bộ thuộc các Phòng/Ban nghiệp vụ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ theo quy định.

14. Thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT theo quy định.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình ĐHĐCĐ thông qua.

23. Chứng kiến HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được HĐQT yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.

24. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

25. Thông qua người đại diện vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác thực hiện công tác kiểm tra, giám sát khi xét thấy cần thiết.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, cổ đông. Bao gồm:

a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;

b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT;

c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc các tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người quản lý khác có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát và của Thành viên Ban kiểm soát.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu (bao gồm cả hồ sơ, tài liệu điện tử) của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, đơn vị trực thuộc và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ Tổng công ty.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo qui định của pháp luật;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ của Ban kiểm soát nhưng HĐQT không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh có liên quan.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại

## **Chương IV**

### **CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Cuộc họp đầu tiên của Ban kiểm soát phải được tổ chức trong vòng 7 ngày sau ngày bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành viên Ban kiểm soát có số phiếu bầu cao

nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một Thành viên Ban kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các Thành viên Ban kiểm soát sẽ bầu một người trong số họ theo nguyên tắc đa số để triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý 1 (một) lần và có thể họp đột xuất khi xét thấy cần thiết. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là người chủ trì cuộc họp hoặc có thể ủy quyền cho một Thành viên Ban kiểm soát chủ trì. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể được tổ chức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát có thể đề nghị thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, đại diện tổ chức kiểm toán... tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát được tiến hành tại Trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại một địa điểm khác theo sự thống nhất chung của các Thành viên Ban kiểm soát.

5. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát phải được chuẩn bị trước; Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp để phân các công Thành viên Ban kiểm soát chuẩn bị tài liệu, nội dung có liên quan và những vấn đề cần trao đổi, biểu quyết trong cuộc họp.

6. Thông báo mời họp định kỳ Ban kiểm soát được gửi đến các Thành viên Ban kiểm soát theo phương thức phù hợp và được gửi chậm nhất 2 (hai) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.

#### **Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát**

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát phải được lập thành Biên bản.

2. Biên bản phải lập chi tiết, rõ ràng bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa, thư ký và các Thành viên Ban kiểm soát tham gia. Biên bản phải được lưu tại Ban kiểm soát nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 17. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

1. Các quyết định của Ban kiểm soát được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy phiếu ý kiến các Thành viên Ban kiểm soát hoặc thông qua thư điện tử.

2. Mỗi Thành viên Ban kiểm soát có một phiếu biểu quyết. Nếu Thành viên Ban kiểm soát không thể tham gia biểu quyết, có thể ủy quyền bằng fax, thư điện tử, văn bản cho Thành viên Ban kiểm soát khác thực hiện biểu quyết. Trường hợp này, người ủy quyền vẫn phải chịu trách nhiệm về những nội dung và kết quả ủy quyền của mình.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết và cũng không được nhận ủy quyền của Thành viên Ban kiểm soát khác để biểu quyết vấn đề đó.

4. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có trên 50% số Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

## **Chương V** **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

## **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

Các Báo cáo của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty; kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám đốc.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

## **Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCĐ, quy định của Tổng công ty và các quy định pháp luật khác có liên quan. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty.

## **Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.
- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các Thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với Thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## **Chương VI**

### **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát**

1. Các Thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Các Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thông tin cho nhau về những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
4. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các Thành viên Ban kiểm soát.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, Ban điều hành**

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với HĐQT, Ban điều hành; là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành.

2. Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; HĐQT, Ban điều hành tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tính độc lập, khách quan của Ban kiểm soát.
3. HĐQT, Ban điều hành có trách nhiệm tạo điều kiện tốt nhất cho các Thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ; chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo kiến nghị, đề xuất của Ban kiểm soát.
4. HĐQT, Ban điều hành mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ, bất thường; các buổi tổng kết, sơ kết toàn ngành hoặc khu vực...
5. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời tới HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, Biên bản họp Ban kiểm soát định kỳ phải được gửi tới HĐQT (thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) chậm nhất sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp Ban kiểm soát (trừ trường hợp bất khả kháng).
6. Ban kiểm soát phải kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
7. HĐQT có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát theo yêu cầu khi xét thấy cần thiết.
8. Thông qua Ban kiểm soát, HĐQT xem xét tính trung thực của các Báo cáo tài chính; thông tin tài chính, tính hiệu quả của hoạt động kiểm soát nội bộ và quản lý thông tin được công bố.
9. HĐQT, Ban điều hành đảm bảo tất cả các tài liệu, thông tin tài chính và thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT và các tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty sẽ được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát.
10. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị và Điều lệ Tổng Công ty.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex bao gồm [VII chương], [23 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*